

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét các Văn bản của Công ty Cổ phần ô tô Phú Xuân: số 02/PX-CPMT ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường; số 02/GPMT-PX ngày 23 tháng 4 năm 2025 về việc giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ sở: “Showroom Honda Ô tô Huế” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1957/TTr-SNNMT ngày 21 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần ô tô Phú Xuân, địa chỉ tại Lô F, khu đô thị Phú Mỹ An, Khu A đô thị mới An Vân Dương, phường An Đông, quận Thuận Hoá, thành phố Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Showroom Honda ô tô Huế” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Showroom Honda ô tô Huế.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô F, khu đô thị Phú Mỹ An, Khu A đô thị mới An Vân Dương, phường An Đông, quận Thuận Hoá, thành phố Huế.

1.3. Văn bản chấp thuận nghiên cứu dự án đầu tư số 1254/UBND-XTĐT ngày 10/03/2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc đầu tư xây dựng Showroom Honda Ô tô Huế tại Khu F - khu đô thị Phú Mỹ An, Khu A đô thị mới An Vân Dương.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3301604459 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Sở Tài chính thành phố Huế) cấp lần đầu ngày 18/01/2017; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 28/12/2023.

1.5. Mã số thuế: 3301604459.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đại lý phân phối sản phẩm ô tô cho Công ty Honda Việt Nam.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích khu đất: 4.488 m²

- Nhóm dự án (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Nhóm B.

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP 06/01/2025 của Chính phủ.

- Công suất: Kinh doanh mua bán xe ô tô trên 450 xe/năm; tiếp nhận sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành xe ô tô: 35 xe/ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo các phương án yêu cầu bảo vệ môi trường đối với xử lý khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành

kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty Cổ phần ô tô Phú Xuân có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép là 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện về tính pháp lý, tính chính xác và đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND thành phố Huế theo đúng quy định.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố Huế;
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Xuân;
- UBND quận Thuận Hóa;
- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển đô thị thành phố Huế;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố Huế;
- VP: LĐ và các CV: TH, DN;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 62 /GPMT-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025 của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh tại 02 cụm nhà vệ sinh được thiết kế theo trục dọc tại tầng 1 và tầng 2 của khối nhà.
- Nguồn số 02: Nguồn nước thải trong quá trình bảo dưỡng xe ô tô.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Nguồn số 01, 02 được thu gom chung về hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) tập trung. Nước thải sau khi được xử lý sẽ xả ra hệ thống thoát nước chung của khu đô thị. Theo đó, cơ sở có 01 dòng nước thải sau xử lý xả ra môi trường.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của Khu đô thị Phú Mỹ An.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí nơi xả nước thải: Hồ ga tập trung tại khu vực.

Tọa độ vị trí xả nước thải (theo tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiếu 3^0) như sau:

$$X = 1820.893 \text{ (m)}; \quad Y = 565.830 \text{ (m)}.$$

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả nước thải.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $15 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ).

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các Quy chuẩn: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, giá trị $C_{\max}$, $K_q=0,9$, $K_f=1,2$); QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A), cụ thể một số thông số đặc trưng của

nguồn thải như sau:

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn		Quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Áp dụng đến hết ngày 31/12/2031	Áp dụng từ ngày 01/01/2032		
1	pH	mg/l	6-9	6-9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅	mg/l	32,4	≤ 40		
3	COD	mg/l	81	≤ 65		
4	TSS	mg/l	54	≤ 40		
5	Sunfua	mg/l	0,216	≤ 0,2		
6	Amoni	mg/l	5,4	≤ 5,0		
7	Tổng N	mg/l	21,6	≤ 20		
8	Tổng P	mg/l	4,32	≤ 4,0		
9	Fe	mg/l	1,08	≤ 2,0		
10	Dầu mỡ khoáng	mg/l	5,4	≤ 1,0		
11	Coliform	MPN/100ml	3.000	≤ 3 000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

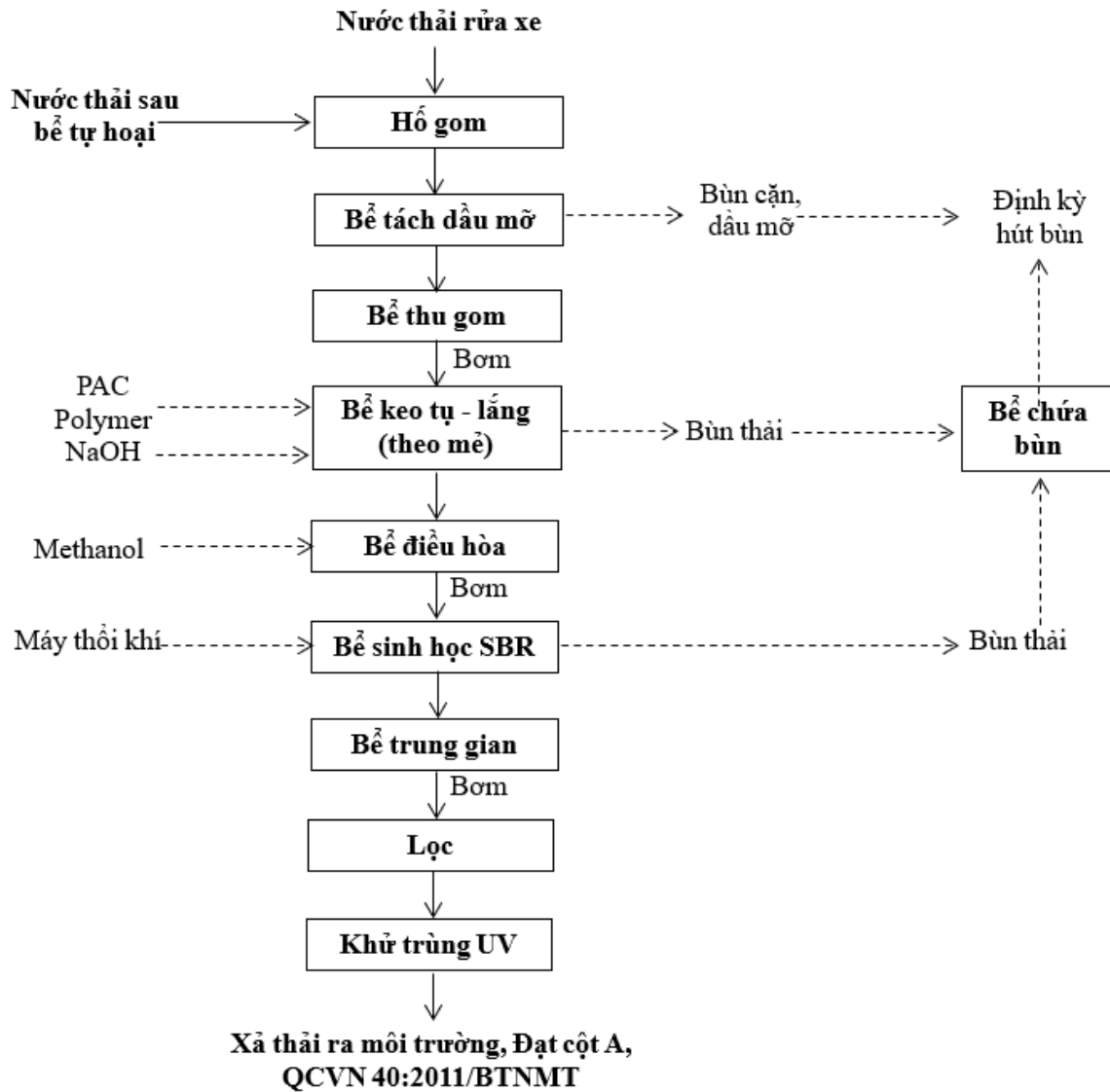
1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải từ quá trình bảo dưỡng, rửa xe được thu gom bằng đường ống thu, dẫn về hố gom tập trung, đưa qua bể gạn dầu trước khi xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Nước thải từ các cụm nhà vệ sinh được thu gom qua đường ống PVC D110 dẫn về 02 bể tự hoại đặt ngầm, nước qua bể tự hoại được dẫn về hố gom chung với nước thải bảo dưỡng xe bằng đường ống PVC D140 đưa nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Cơ sở đã xây dựng HTXLNT tập trung công suất 15 m³/ngày (24 giờ). Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung theo sơ đồ sau:



- Công suất thiết kế: 15 m³/ngày (24 giờ) để xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, giá trị C_{max}, K_q=0,9, K_f=1,2).

- Thông số kỹ thuật của các công trình tại HTLXTN tập trung:

STT	Máy móc/ thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Dung tích/kích thước	Ghi chú
1	Bồn phản ứng keo tụ:	Bồn	1	2m ³	Kiểu bồn đứng, inox 304

STT	Máy móc/ thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Dung tích/kích thước	Ghi chú
2	Bồn trung gian 1	Bồn	1	5m ³	Kiểu bồn ngang, inox 304
3	Bể sinh học hiếu khí (SBR)	Bồn	2	4,5m ³	Kiểu bồn đứng, inox 304
4	Bộ lọc hấp thụ	Bộ	1	307x1252 mm	Bồn lọc composite, than hoạt tính
5	Bồn trung gian 2	Bồn	1	2m ³	Bồn nhựa

- Danh mục thiết bị của HTXLTN tập trung:

STT	THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	Máy bơm chìm bể điều hòa	cái	03
2	Máy khuấy trộn hóa chất trong bồn chứa	cái	01
3	Máy thổi khí	cái	02
4	Đĩa sục khí bể sinh học	cái	06
5	Tủ điện điều khiển	bộ	01
6	Bơm tăng áp lọc	cái	01
7	Bộ đèn UV khử trùng	bộ	01
8	Bơm định lượng hóa chất (Methanol, PAC, NaOH):	cái	03

- Nhu cầu định mức hóa chất, vật liệu, thiết bị tiêu hao trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung:

TT	Hóa chất, vật liệu, thiết bị tiêu hao	ĐVT	Lượng hóa chất sử dụng (ĐVT/ngày)	Ghi chú
1	Methanol (96%)	kg	0,45	
2	PAC	kg	2,7	

3	NaOH (99%)	kg	0,3	
4	Polymer	kg	0,0075	
5	Vật liệu lọc (than hoạt tính)	kg		1 lần thay 70 kg/365 ngày
6	Đèn UV	cái		1 năm thay 1 lần

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.3.1. Biện pháp phòng ngừa:

- Kiểm soát lưu lượng và chất lượng nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải tập trung nhằm đảm bảo hệ vi sinh vật phát triển tốt, các công trình, thiết bị làm việc ổn định. Kiểm soát lượng nước thải tại bể điều hòa, đảm bảo sức chứa trong trường hợp phải ngừng hệ thống để sửa chữa hoặc điều chỉnh quá trình xử lý.

- Bố trí nhân lực thường xuyên theo dõi, kiểm tra hoạt động của các loại máy móc của hệ thống xử lý nước thải.

- Kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế các thiết bị xuống cấp, hỏng hóc.

1.3.2. Biện pháp ứng phó, khắc phục sự cố:

- *Bọt và váng bọt, dầu mỡ dày đặc:*

+ Duy trì nồng độ chất rắn lơ lửng trong bể sinh học cao hơn bằng cách tăng thời gian, lưu lượng bùn hồi lưu;

+ Giảm cung cấp khí trong suốt thời gian lưu lượng đầu vào thấp nhưng vẫn duy trì mức DO không nhỏ hơn 2mg/l.

+ Vệ sinh định kỳ tại bể tách dầu mỡ.

- *Biện pháp khắc phục sự cố:*

- Khi có sự cố xảy ra, dùng chính các bể xử lý (chủ yếu là bể điều hòa) để chứa nước thải tạm thời và thực hiện ngay các giải pháp sửa chữa, khắc phục sự cố. Trường hợp lượng nước thải phát sinh vượt quá khả năng lưu chứa, sẽ tiến hành thuê xe bồn chuyên dụng vận chuyển đi xử lý đúng quy định, đảm bảo không thải nước thải chưa xử lý không đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ra môi trường.

- Dừng các hoạt động rửa xe khi hệ thống xử lý nước thải bị sự cố.

- Thành lập tổ quản lý hệ thống xử lý nước thải của dự án; tiến hành tập huấn chuyên môn, sẵn sàng ứng phó khi có sự cố xảy ra. Nếu sự cố vượt quá khả năng giải quyết báo cáo ngay đến các cơ quan chức năng để hướng dẫn, xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Trong vòng 02 tháng sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải:

Vị trí	Thông số	Tần suất	Loại mẫu	Quy chuẩn so sánh
Đầu vào của hệ thống xử lý nước thải	pH BOD5 COD TSS Sunfua Amoni Tổng N Tổng P Fe Dầu mỡ khoáng, coliform	01 đợt	Mẫu đơn	QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $K_q=0,9$; $K_f=1,2$)
Đầu ra của hệ thống xử lý nước thải		01 lần/ngày, trong 03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đặc vào ngày tiếp theo).		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 62 /GPMT-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025
của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ phòng sơn nhanh số 1.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ phòng sơn nhanh số 2.
- Nguồn số 03: Nguồn khí thải phát sinh từ phòng sơn chính.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

Cả 03 nguồn thải được xả thải qua 03 ống thoát khí khác nhau nên có 03 dòng khí thải.

2.1. Vị trí xả khí thải

Cả 03 cửa xả khí thải sau khi xử lý của 03 buồng sơn đều được đặt tại cùng 01 vị trí có tọa độ vị trí xả khí thải (theo tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0) như sau:

$$X (m) = 1820.901; Y (m) = 565.798$$

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 38.000 m³/giờ

- Dòng khí thải buồng sơn nhanh số 01: 8.500 m³/giờ.
- Dòng khí thải buồng sơn nhanh số 02: 8.500 m³/giờ.
- Dòng khí thải buồng sơn chính: 21.000 m³/giờ.

2.3. Phương thức xả khí thải: Cường bức bằng quạt hút, gián đoạn trong ngày không theo chu kỳ (cho cả 03 dòng khí thải)

2.2.2. Giá trị giới hạn đối với khí thải

Chất lượng khí thải của cả 03 dòng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (giá trị C_{max}, C_{ột} B, K_p=0,9, K_v=0,6) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ. Trong đó một số thông số đặc trưng của nguồn thải như sau:

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm	
			QCVN 19:2009/BTNMT (giá trị Cmax, Cột B, Kp=0,9, Kv=0,6)	QCVN 20:2009/BTNMT
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	108	-
2	H ₂ S	mg/Nm ³	4,05	-
3	Chì và các hợp chất tính theo Pb	mg/Nm ³	2,7	-
4	Phenol	mg/Nm ³	-	19

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

Bụi và khí thải chủ yếu phát sinh từ hoạt động của 03 phòng sơn gồm: 01 phòng sơn chính và 02 phòng sơn nhanh.

1. Phòng sơn nhanh:

Phòng sơn nhanh gồm một số hệ thống chính như sau:

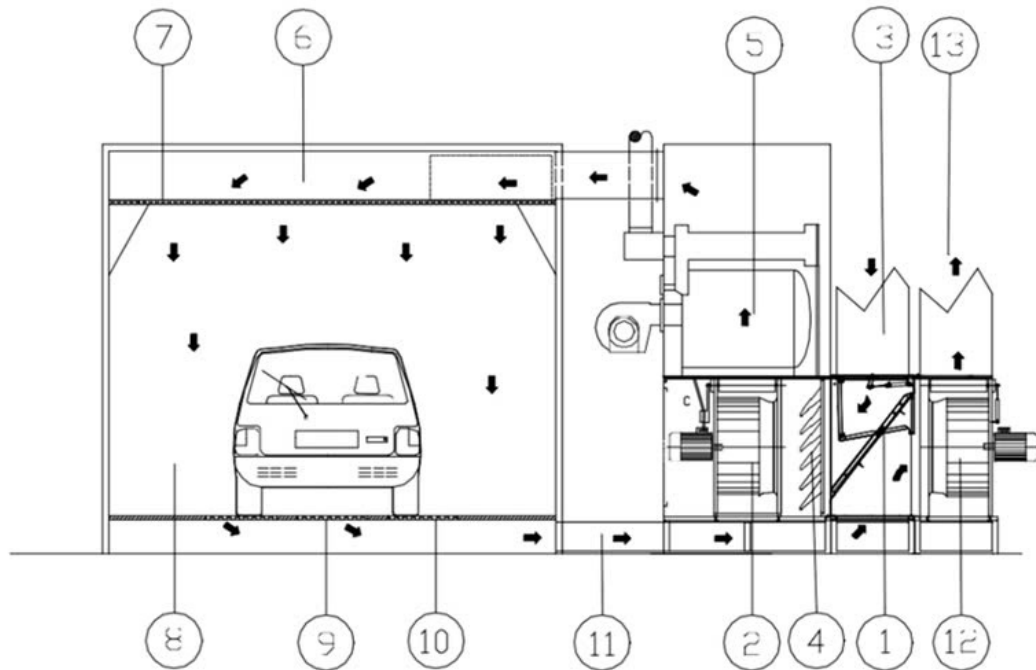
- Hệ thống cấp gió riêng biệt;
- Hệ thống hút mùi như một phòng sơn bình thường;
- Hệ thống rèm che làm kín phòng sơn nhanh;
- Hệ thống lọc trần, lọc sàn phòng sơn ô tô.

Luồng không khí qua khu vực làm việc của buồng sơn, kéo theo không khí có nhiễm bụi sơn được lọc qua bộ lọc khí thải đầu tiên ở đáy phòng sơn, sau đó tiếp tục đi qua bộ lọc bảo vệ mô tơ. Dòng khí được lọc sạch sẽ đi qua quạt khí để theo ống dẫn khí đi ra ngoài.

2. Phòng sơn chính:

Phòng sơn chính với thiết kế buồng sơn được lắp đặt nguyên bộ. Toàn bộ thiết bị có chức năng thông gió, lọc không khí, sấy khô, xử lý khí thải, v.v... đáp ứng các yêu cầu cơ bản của xử lý bề mặt tự động. Thiết bị bao gồm thân phòng, bộ phận chiếu sáng, hệ thống nạp và xả khí, hệ thống sưởi ấm nếu có, hệ thống lọc không khí, hệ thống xử lý khí thải và hệ thống điều khiển.

Cấu tạo phòng sơn chính như sau:



* Ghi chú:

- | | |
|---------------------------|---------------------------|
| 1. Khóa chu kỳ | 7. Lọc trần |
| 2. Mô tơ hút | 8. Không làm việc |
| 3. Ống hút khí | 9. Sàn phòng sơn |
| 4. Bộ lọc bụi | 10. Lọc sàn sợi thủy tinh |
| 5. Bộ phận trao đổi nhiệt | 11. Đường khí ra |
| 6. Không chứa khí | 12. Quạt hút |
| | 13. Đường khí ra |

*** Nguyên lý hoạt động:**

- Chu kì khóa (1) tự động mở do vậy chỉ có gió từ quạt hút từ bên ngoài vào trong buồng sơn.

- Những hạt bụi có lẫn trong không khí đi theo từ bên ngoài vào phải qua bộ lọc bụi (4) bởi lực đẩy của cánh quạt động cơ mô tơ hút (2) trước khi vào bên trong buồng sơn.

- Lượng khí được cung cấp bởi mô tơ hút (2) sẽ đi qua bộ cấp nhiệt (5), cấp nhiệt trực tiếp từ đốt cháy dầu diesel, xăng hoặc nhiệt từ thiết bị điện. Khi tiếp xúc với bộ cấp nhiệt, lượng khí nóng dần lên đến nhiệt độ cài đặt trên bảng điều khiển sẽ được đẩy vào bên trong buồng sơn.

- Lượng khí vào trong không chứa khí (6) di chuyển chậm xuống dưới bên trong buồng sơn.

- Lượng khí vượt qua trần của buồng sơn, tại đó có các tấm lọc (7), sẽ giữ lại những hạt có kích thước từ 2µm đến 10µm .

- Dòng khí bên buồng sơn đi từ trần theo chiều thẳng đứng xuống phía dưới khoang làm việc (8) phân tán dòng khí và đi ra ngoài theo lỗ dưới sàn (9), dòng khí này vượt qua lọc thô bố trí dưới sàn (10) giữ lại những hạt sơn, không khí đi qua lọc sơn được thải ra môi trường qua đường khí ra (11, 12, 13).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: Trong vòng 02 tháng sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải:

Vị trí	Thông số	Tổng số lượng mẫu	Tần suất lấy mẫu của mỗi dòng thải	Loại mẫu	Quy chuẩn so sánh
03 vị trí khí thải đầu ra của 03 phòng sơn	Bụi tổng, H_2S , Chi và các hợp chất tính theo Pb, Phenol	09 mẫu (mỗi dòng thải 03 mẫu)	01 lần/ngày, trong 03 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đạc vào ngày tiếp theo).	Mẫu đơn	QCVN 19:2009/BTNMT (giá trị C_{max} , Cột B, $K_p=0,9$, $K_v=0,6$) và QCVN 20:2009/BTNMT

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 62 /GPMT-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025
của UBND thành phố Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn phát sinh: Máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung được xác định các điểm (theo hệ tọa độ VN 2.000, KTT 107⁰, múi chiều 3⁰):

$X = 1820.886 \text{ m};$ $Y = 565.784 \text{ m}.$

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA) QCVN 26:2010/BTNMT		
STT	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB) QCVN 27:2010/BTNMT		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Máy phát điện được đặt trong phòng kín tiêu âm, trang bị hệ thống giảm chấn, giảm tiếng ồn phát sinh.

- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo vận hành ổn định nhằm hạn chế tiếng ồn và rung chấn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 62 /GPMT-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025
của UBND thành phố Huế)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ sở phát sinh các loại chất thải nguy hại sau:

STT	Chất thải nguy hại	Mã CTNH	Khối lượng xin cấp phép (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10
2	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	65
3	Pin, ắc quy thải	19 06 01	250
4	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	6.500
5	Bao bì cứng bằng nhựa	18 01 03	50
6	Bao bì cứng bằng kim loại	18 01 02	250
7	Sơn, chất kết dính có các thành phần nguy hại	16 01 09	120
8	Dung môi tẩy sơn	08 01 05	150
9	Que hàn thải có các thành phần nguy hại	07 04 01	30
	Tổng		7.425

1.2. Chất thải rắn thông thường phát sinh:

- Chất thải rắn phát sinh chủ yếu từ quá trình bảo dưỡng máy móc ô tô.
Lượng phát sinh: Khoảng 300kg/tháng, bao gồm các loại mâm, lốp, phụ tùng bằng nhựa, đệm xốp,...

- Bùn thải từ bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải: Khối lượng khoảng 60kg/tháng. Chủ yếu phát sinh từ xử lý nước thải sinh hoạt và nước rửa xe ô tô.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Khối lượng rác sinh hoạt phát sinh khoảng 20 kg/ngày, thành phần gồm: bao bì nilon, thức ăn thừa,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):

Bố trí 02 kho lưu giữ chất thải nguy hại cụ thể như sau:

- Kho chứa dầu mỡ thải: Kích thước (BxL) = 4x4 (m), diện tích 16 m², được bố trí tại tầng 1 của toà nhà.

- Kho chứa các loại CTNH khác: Kích thước (BxL) = 2x4 (m), diện tích 8m², được bố trí tại tầng 1 của toà nhà.

Kho phải đảm bảo các yêu cầu tại khoản 6 Điều 35 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, gồm:

+ Mặt sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; khu lưu giữ chất thải nguy hại được thiết kế gờ tại cửa ra vào với chiều cao 10cm, bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn.

+ Trong kho CTNH có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; Có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; Có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Đối với thiết bị lưu trữ: Bố trí 8 thùng có nắp đậy dung tích 200 lít/thùng, dán nhãn của từng loại chất thải nguy hại kèm theo mã CTNH (trừ các loại dầu mỡ thải). Riêng với dầu mỡ thải, cơ sở tận dụng các thùng chứa dầu có nắp đậy kín dung tích 200 lít/thùng để chứa các loại dầu mỡ thải tại cơ sở, tổng số thùng chứa đến cuối kỳ thu gom khoảng 30 thùng.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Biện pháp thu gom: Toàn bộ được tập kết tại nhà kho (kích thước BxL = 4x4m, diện tích 16 m²), các vật tư thuộc danh mục thay thế thông qua bảo hiểm sẽ

được đơn vị bảo hiểm thu gom, vận chuyển, các đồ nhựa, sắt không dính dầu được bán phế liệu cho cá nhân có nhu cầu.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Bố trí 02 cụm thùng rác chứa rác thải sinh hoạt, mỗi cụm gồm 03 thùng chứa rác dung tích 120 lít/thùng, có gắn các nhãn rác hữu cơ, rác tái chế, rác khác. Thực hiện phân loại rác tại nguồn và được đơn vị chuyên trách thu gom, vận chuyển xử lý hàng ngày.

Chủ cơ sở thực hiện đầy đủ trách nhiệm của chủ nguồn thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 07/3/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) về việc ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Huế.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố cháy nổ

1.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy, nổ:

- Công ty xây dựng ban hành nội quy PCCC, đặt biển báo cấm lửa, cấm hút thuốc niêm yết tại vị trí dễ thấy để mọi người thực hiện.

- Tăng cường các biện pháp giáo dục ý thức chấp hành nội quy PCCC cho công nhân, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở việc chấp hành nội quy PCCC đã đề ra.

- Thường xuyên kiểm tra vệ sinh công nghiệp tại các khu vực có nhiều chất dễ cháy, hạn chế đến mức thấp nhất không để phát sinh tia lửa.

- Thực hiện nghiêm túc quy trình kỹ thuật an toàn PCCC kho như sắp xếp hàng hóa trong kho phải theo đúng chủng loại, không chất đống làm ngăn cản lối thoát nạn, không để hàng hóa gần các thiết bị điện, dây dẫn điện.

- Có quy trình thao tác, vận hành máy móc, thiết bị và niêm yết ở những vị trí thuận lợi để mọi người thực hiện.

- Trang bị phương tiện PCCC đủ số lượng, đúng chủng loại, đảm bảo chất lượng.

- Lãnh đạo công ty thường xuyên tổ chức cho cán bộ công nhân học tập kiến thức về PCCC.
- Phương tiện chữa cháy: Hệ thống phun bột được lắp đặt cố định từ trạm bơm nước chữa cháy; hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin báo động.
- Kiểm tra thường xuyên các hệ thống PCCC, hệ thống thông tin, báo động...
- Máy móc thiết bị có đầy đủ hồ sơ, lý lịch kiểm tra bảo dưỡng định kỳ một cách khoa học nhằm hạn chế rủi ro trong quá trình vận hành.
- Tổ chức các lớp tập huấn về công tác PCCC, ứng cứu, sơ cứu do sự cố cháy nổ cho cán bộ công nhân viên làm việc tại nhà máy.

1.2. Biện pháp ứng phó sự cố cháy, nổ:

- Khi phát hiện sự cố xảy ra, người phát hiện phải bấm còi báo động đồng thời hô hào mọi người xung quanh để cùng dập lửa, dùng bình xịt hoặc hệ thống bơm nước để dập tắt đám cháy.
- + Nước sẽ được sử dụng để chữa cháy trong các trường hợp: Các đám cháy nhỏ, thiết bị văn phòng, đồ dùng gỗ, trần nhà, cửa,...; cháy thiết bị điện (đã ngắt điện), sử dụng nước phun dạng sương mù hoặc dạng tia nước đặc phân tán để chữa cháy.
- + Bình chữa cháy CO₂ và bình chữa cháy bột được sử dụng trong các trường hợp: Các đám cháy nhỏ khu vực chứa dầu thải, khu vực kho chứa hoá chất, dung môi; các đám cháy nhỏ khu vực bảo dưỡng, phòng sơn.
- Người gần khu vực cầu dao điện nhanh chóng đến ngắt nguồn điện và cho ngừng hoạt động sản xuất.
- Di tản mọi người ra khỏi khu vực cháy.
- Thông báo cho đơn vị cảnh sát chữa cháy, đơn vị y tế gần nhất

2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố tai nạn lao động tại cơ sở như sau:

- Giáo dục ý thức vệ sinh môi trường và vệ sinh y tế cho toàn bộ cán bộ, công nhân viên, thực hiện nghiêm túc công tác bảo hộ lao động.
- Tuyệt đối tuân thủ các quy định, quy phạm về sử dụng, vận hành, bảo quản các thiết bị điện, thiết bị áp lực, kho chứa hóa chất...
- Đào tạo và cung cấp thông tin về vệ sinh an toàn lao động.
- Có chương trình kiểm tra, khám tuyển và giám sát định kỳ về sức khỏe cho công nhân.

- Nghiên cứu chế độ làm việc và nghỉ ngơi thích hợp cho công nhân.

3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu

- Kho chứa dầu thải của cơ sở được thiết kế riêng biệt, sử dụng lại các thùng chứa dầu để chứa dầu thải, có bố trí nút bịt kín mỗi thùng.

- Kho chứa dầu thải có thiết kế gờ tại lối ra vào, có bố trí cửa đóng kín, có bảng chỉ dẫn và bảng cảnh báo.

Dầu nhớt chứa tại cơ sở có nguy cơ đổ, tràn do bất cẩn trong công tác quản lý, sử dụng. Các biện pháp ưu tiên áp dụng khi xảy ra sự cố tràn dầu gồm:

- Nhanh chóng chỉ huy tổ chức triển khai lực lượng, phương tiện tại Cửa hàng để ứng phó sự cố tràn dầu. Đối với sự cố tràn dầu lớn hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, vượt quá khả năng tự ứng phó của cơ sở, nhân viên báo cáo nhanh cho Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ,... để được hỗ trợ ứng phó từ các lực lượng, phương tiện của các ban ngành chức năng.

- Sau khi xảy ra sự cố, tiến hành thu gom, quản lý xử lý dầu, rác lẫn dầu, đất nhiễm dầu và vật liệu ứng phó nhiễm dầu đúng quy định theo quy định.

- Toàn bộ các chất thải nhiễm dầu được lưu trữ trong các thùng kín được che đậy cẩn thận và có dán nhãn để cảnh báo và phân biệt với các chất thải thông thường khác.

- Chất thải sau khi thu gom sẽ được quản lý tại kho chứa chất thải nguy hại của Cửa hàng và định kỳ hợp đồng đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Nếu sự cố tràn dầu gây ảnh hưởng nghiêm trọng, Công ty sẽ phối hợp đơn vị có chức năng để tiến hành quan trắc, đánh giá chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng bị ảnh hưởng bởi sự cố như đất, nước, không khí tại khu vực Cửa hàng và xung quanh.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 62 /GPMT-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2025
của UBND thành phố Huế)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công ty Cổ phần ô tô Phú Xuân chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Công ty Cổ phần ô tô Phú Xuân đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động về bảo vệ môi trường. Áp dụng các biện pháp phòng chống sự cố và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đồng thời tăng cường công tác đào tạo cán bộ về môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý về môi trường, đảm bảo không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường.

4. Thực hiện các giải pháp giảm thiểu tác động khí thải, nước thải, vận hành đúng quy trình các hệ thống xử lý, quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo

vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.